

Bản án số: 15/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 18-02-2022

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH, TỈNH CÀ MAU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Bảo Trâm

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hồ Lệ Hoa

Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Phụng Kiều là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà Đào Thị Mỹ Linh, Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 02 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 207/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2021 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2022/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Kiều T, sinh năm 1989, có mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

Chỗ ở hiện nay: Ấp H, xã B, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1985, vắng mặt

Địa chỉ: Ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 08/11/2021 và tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Kiều T trình bày:*

Về hôn nhân: Chị T và anh Q tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2009 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/02/2014. Thời gian chung sống phát sinh mâu thuẫn do

bất đồng quan điểm, anh Q không lo làm ăn, cờ bạc, không quan tâm gia đình, vợ con. Gia đình hai bên có hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả. Hiện tại, vợ chồng đã sống ly thân khoảng hơn 03 tháng nay. Vì vậy, chị T yêu cầu được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Chị T và anh Q có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/7/2014, chị T đang nuôi dạy. Khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dạy con chung, không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, chị T giữ nguyên trình bày và yêu cầu như đã nêu trên.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau phát biểu quan điểm:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã tuân thủ đúng theo quy định.

Về nội dung: Chị T và anh Q chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn là tuân thủ đúng quy định pháp luật. Do anh chị chung sống không còn hạnh phúc, đã ly thân khoảng hơn 03 tháng nay mà không có thiện chí đoàn tụ gia đình nên cần xử lý cho anh chị được ly hôn; con chung là cháu K hiện chị T nuôi dạy nên cần giao cháu cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Chị T không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung không có nên không đề nghị xem xét. Chị T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Nguyễn Thị Kiều T khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn Q. Do anh chị chung sống có đăng ký kết hôn theo quy định nên đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn; anh Q có địa chỉ tại ấp 4, xã T, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án có tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Q nhưng anh Q vắng mặt tại các lần xét xử không có lý do. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Q theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Q tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Biển Bạch Đông, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau vào ngày 10/02/2014. Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa anh chị đã tuân thủ về điều kiện đăng ký kết hôn tại Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo quy định tại Điều 8, 9 của luật hôn nhân và gia đình nên được pháp luật thừa nhận là vợ chồng. Quá trình thụ lý giải quyết vụ án chị T yêu cầu ly hôn với anh Q. Xét thấy, yêu cầu của chị T là có cơ sở. Bởi vì, thời gian chung sống anh chị có phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi nhau và hiện tại đã sống ly thân khoảng hơn 03 tháng nay. Mặt khác, Tòa án có tổ chức hòa giải để anh chị có điều kiện gặp nhau thỏa thuận đoàn tụ gia đình nhưng không có kết quả do anh Q vắng mặt tại các lần hòa giải không có lý do. Việc anh chị phát sinh mâu thuẫn, đã ly thân là phù hợp với biên bản lấy lời khai của người làm chứng. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử lý cho chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.

[4] Về con chung: Thời gian chung sống, anh chị có 01 người con chung tên Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/7/2014 (giới tính nam). Xét thấy, việc chị T yêu cầu tiếp tục nuôi dạy con chung là có căn cứ. Bởi vì, cháu K đang do chị T nuôi dạy, việc hoán đổi nuôi con sẽ làm ảnh hưởng đến tình cảm của cháu. Mặc khác, tại biên bản ghi ý kiến của con chưa thành niên ngày 17/12/2021, cháu K có nguyện vọng được sống chung với chị T. Hơn nữa, quá trình thụ lý giải quyết vụ án Tòa án có thông báo cho anh Q biết yêu cầu của chị T nhưng anh Q không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu của chị T. Vì vậy cần tiếp tục giao cháu K cho chị T nuôi dạy là phù hợp theo quy định tại các điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với việc cấp dưỡng nuôi con: Chị T không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định chị và anh Q không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải chịu án phí theo Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 56, 81, 82, 83 của luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Xét xử vắng mặt đối với anh Nguyễn Văn Q.
2. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Kiều T và anh Nguyễn Văn Q được ly hôn.
3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Minh K, sinh ngày 13/7/2014 (giới tính nam) cho chị T tiếp tục nuôi dạy. Anh Q không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh Q không trực tiếp nuôi dạy con chung nhưng anh có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung phù hợp với quy định pháp luật, không ai được quyền cản trở.
4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Thị Kiều T phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Vào ngày 17 tháng 11 năm 2021 chị T có dự nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0014602 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau nay được chuyển T án phí.
5. Về quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Q vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết công khai bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Thới Bình;
- Chi cục THADS huyện Thới Bình;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- UBND xã Biển Bạch Đông;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Lê Thị Bảo Trâm

